TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-6-2024.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Nhót và ông Nguyễn Bá Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1972 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-4-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Tôi chung sống như vợ chồng với bà Ngô Thị T tại Thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông từ năm 1993, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới.

Quá trình sống chung chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bắt đầu từ năm 2019. Nay tình cảm với bà T không còn, tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà Ngô Thị T.

Chúng tôi có 04 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 19-11-1997; Nguyễn Đình O, sinh ngày 22-02-2000; Nguyễn Đình U, sinh ngày 17-10-2003 và Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010. Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình O và Nguyễn Đình U đã thành niên, có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi đồng ý để bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Đình Đ đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng tôi sẽ tự có trách nhiệm với con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như trình bày của ông Nguyễn Đình H, quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bắt đầu từ năm 2019. Nay tình cảm với ông H không còn, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông H.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung như trình bày của ông H. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết để tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đình Đ đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H, tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T; Giao con chung của ông H và bà T là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không xem xét giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối với Nguyễn Đình L; Nguyễn Đình O và Nguyễn Đình U do đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Ngô Thị T và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Bị đơn bà Ngô Thị T có nơi cư trú tại Thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Đắk Song có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T thống nhất trình bày ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, nên phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay, hiện tại cả hai không còn tình cảm với nhau nữa. Việc ông bà chung sống từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, các nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Ngô Thị T là có đúng quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T có bốn con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 19-11-1997; Nguyễn Đình O, sinh ngày 22-02-2000; Nguyễn Đình U, sinh ngày 17-10-2003 và Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010. Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình O và Nguyễn Đình U đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010, hiện đang sống chung với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Đình Đ đến tuổi trưởng thành. Ông H đồng ý với nguyện vọng của bà T. Nguyễn Đình Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông H và bà T. Giao Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Đình H là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Tin không yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đình H tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đối với bà Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình H với bà Ngô Thị T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Đình H với bà Ngô Thị T, giao con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25-4-2010 cho bà Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình H tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0004140 ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã J;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà